

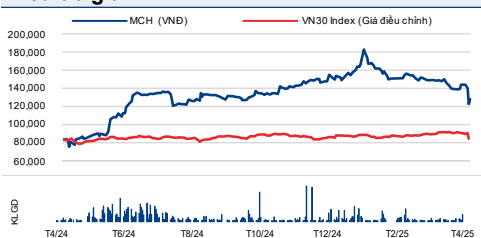
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ172,600
Tiềm năng tăng/giảm: 34.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (4/4/2025)	128,000
Mã Bloomberg	MCH VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	75,957-182,858
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	135,400
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	134,586
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,216
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,051
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	526
Slg CP NN được mua (tr.đv)	348
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	16.9%
Tỷ lệ freefloat	29.4%
Cổ đông lớn	in Consumer Holdings (70.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	30,897	34,574	38,465
EBITDA đc (tỷ đồng)	8,089	9,035	10,587
LNTT (tỷ đồng)	9,004	8,954	10,567
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,803	7,716	9,107
FCF (tỷ đồng)	8,713	5,095	9,042
EPS ĐC (đồng)	10,769	7,339	8,661
DPS (đồng)	26,800	7,000	8,000
BVPS (đồng)	14,766	13,624	14,285
T.trưởng EBITDA (%)	11.7	11.7	17.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	8.91	(31.9)	18.0
Tăng trưởng DPS (%)	168	(73.9)	14.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	26.2	26.1	27.5
Tỷ suất LNTTT (%)	29.1	25.9	27.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	25.3	22.3	23.7
Tỷ lệ LN trả CT (%)	249	95.4	92.4
Nợ thuần/VCSH (%)	49.0	35.9	46.7
ROAE (%)	42.8	61.7	62.1
ROACE (%)	37.5	54.9	56.3
EV/doanh thu (lần)	3.17	4.04	3.68
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.1	15.5	13.4
P/E ĐC (lần)	11.9	17.4	14.8
P/B (lần)	8.67	9.40	8.96
Lợi suất cổ tức (%)	20.9	5.47	6.25

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan là công ty con của Công ty TNHH Masan Consumer Holdings. Chuyên sản xuất và phân phối nhiều loại gia vị, thực phẩm, đồ uống và các sản phẩm chăm sóc cá nhân và nhà cửa.

Chuyên viên phân tích

Trần Đăng Mạnh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
manh.tdang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Tài liệu ĐHCĐ: Kế hoạch HĐKD 2025 sát với dự báo

- MCH đặt kế hoạch HĐKD cho năm 2025 với doanh thu thuần đạt 33,5 - 35,5 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 8-15%); LNST trước lợi ích CĐTS đạt 7,3-7,8 nghìn tỷ đồng (giảm 2-8% so với năm trước). Dự báo hiện tại của HSC lần lượt là 34,6 nghìn tỷ đồng doanh thu thuần và 7,8 nghìn tỷ LNST trước lợi ích CĐTS, đều nằm trong khoảng trên của các kế hoạch đề ra.
- Thuế đối ứng của Mỹ nhiều khả năng không ảnh hưởng đáng kể đến MCH nhờ mức độ tiếp xúc với thị trường Mỹ thấp, trong khi giá nguyên liệu đầu vào giảm giúp bù đắp cho nhu cầu trong nước thấp hơn kỳ vọng. Các tác động này khả năng thể hiện rõ hơn từ nửa cuối 2025.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với MCH với nền tảng cơ bản vững vàng giữa bất ổn toàn cầu và định giá hợp lý hơn sau các đợt thị trường điều chỉnh mạnh gần đây. Việc chuyển sàn sang HSX sắp tới là yếu tố hỗ trợ thu hút dòng tiền đầu tư.

Sự kiện: Công bố tài liệu ĐHCĐ

MCH vừa công bố tài liệu ĐHCĐ năm 2025, bao gồm kế hoạch HĐKD, cổ tức tiền mặt và chương trình ESOP.

Kế hoạch HĐKD năm 2025: LNST trước lợi ích của CĐTS giảm 2-8%

MCH đặt kế hoạch HĐKD cho năm 2025 với doanh thu thuần đạt 33.500-35.500 tỷ đồng (tăng trưởng 8-15%) và LNST trước lợi ích CĐTS đạt 7.300-7.800 tỷ đồng (giảm 2-8% so với năm trước). Dự báo hiện tại của HSC đều nằm trong khoảng trên của các kế hoạch đề ra. Chúng tôi hiện dự báo MCH sẽ ghi nhận doanh thu thuần 34.574 tỷ đồng (tăng trưởng 12%) và LNST trước lợi ích CĐTS đạt 7.832 tỷ đồng (giảm 1%).

Chúng tôi lưu ý các giả định chính của MCH như sau:

- Tăng trưởng EBITDA được giả định là thấp hơn tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng 6-12%, phản ánh tỷ suất EBITDA suy giảm nhẹ chủ yếu tỷ suất lợi nhuận gộp giảm nhẹ trong bối cảnh chi phí đầu tư cho đổi mới sản phẩm tăng.
- Lợi nhuận tài chính được giả định giảm khoảng 1 nghìn tỷ đồng, do MCH đã chi trả khoản cổ tức tiền mặt đáng kể là 23 nghìn tỷ đồng trong năm ngoài.

Tác động từ thuế đối ứng: Nhìn chung có thể kiểm soát được

HSC cho rằng thuế đối ứng của Mỹ sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến MCH nhờ các yếu tố sau:

- Ít phụ thuộc vào thị trường Mỹ:** Tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ thấp, chỉ chiếm khoảng 1% doanh thu thuần năm 2024 của MCH.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 10/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch lợi nhuận năm 2025, MCH

MCH đặt kế hoạch LNST trước lợi ích của cổ đông thiểu số là 7,3-7,8 nghìn tỷ đồng, giảm 2-8% so với năm 2024

Tỷ đồng	2024	Kế hoạch 2025	Tăng trưởng	2025F của HSC	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	30,897	33,500-35,500	Tăng 8-15%	34,574	12%
LNST trước lợi ích của cổ đông thiểu số	7,920	7,300-7,800	Giảm 2-8%	7,832	-1%

Nguồn: MCH; HSC

- **Giá nguyên liệu đầu vào có xu hướng giảm:** Theo quan sát của MCH, giá các nguyên liệu đầu vào chính (lúa mì, cà phê, mỡ truffle) đang có xu hướng điều chỉnh giảm trong bối cảnh thuế không chắc chắn.

Năm ngoái, MCH đã tăng giá bán đầu ra trong bối cảnh chi phí đầu vào tăng. Trong năm nay, khả năng giảm giá bán khó xảy ra, nhờ đó mức giá nguyên liệu đầu vào thuận lợi sẽ giúp MCH có khả năng hỗ trợ tăng trưởng doanh thu để mở rộng thị phần (trong trường hợp nhu cầu yếu hơn dự kiến do các tác động gián tiếp từ thuế quan) hoặc cải thiện tỷ suất lợi nhuận. Tuy nhiên, tác động tích cực này sẽ thể hiện rõ hơn từ nửa cuối năm 2025, vì MCH đã chốt giá nguyên liệu cho sản xuất trong nửa đầu năm 2025.

Cổ tức tiền mặt tạm ứng năm 2025: Tối đa 6.000đ/cp (lợi suất cổ tức 5%)

MCH trình ĐHCĐ thông qua chính sách cổ tức tiền mặt năm 2024–2025. Theo đó, cho năm 2024, cổ tức tiền mặt là 9.500đ/cp, tương đương tỷ lệ lợi nhuận chi trả 88%, đã chi trả vào tháng 12/2024. Cho năm 2025, Công ty tạm ứng tối đa 6.000đ/cp, so với dự báo của HSC là 7.000đ/cp (tương đương tỷ lệ lợi nhuận chi trả là 95% và lợi suất cổ tức 5%).

Kế hoạch phát hành ESOP

MCH đề xuất phát hành ESOP tối đa 0,5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, với giá phát hành 10.000đ/cp và thời gian hạn chế chuyển nhượng là 1 năm, dự kiến thực hiện vào năm 2025 hoặc đầu năm 2026.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

HSC giữ nguyên dự báo hiện tại với lợi nhuận thuần và EBITDA dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm lần lượt đạt 10% và 13%.

Cổ phiếu MCH đã giảm 23% và 30% trong 1 tháng & 3 tháng vừa qua, diễn biến kém tích cực hơn VN Index. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào dựa trên nền tảng cơ bản vững chắc (hưởng lợi từ tiêu dùng nội địa, vị thế dẫn đầu, nền tảng tài chính mạnh và triển vọng giá đầu vào thuận lợi). Định giá hấp dẫn hơn sau các nhịp điều chỉnh gần đây. Yếu tố hỗ trợ tiềm năng từ việc chuyển sản sang HSX có thể thu hút thêm dòng tiền đầu tư mới.

Biểu đồ 2: Biến động giá lúa mì

Giá lúa mì hiện đã điều chỉnh giảm 10% so với mức đỉnh vào tháng 2/2025



Nguồn: Trading Economics; HSC

Biểu đồ 3: Biến động giá cà phê

Giá cà phê đã giảm mạnh 18% so với mức đỉnh vào tháng 2/2025



Nguồn: Trading Economics; HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	28,241	30,897	34,574	38,465	42,301
Lợi nhuận gộp	12,974	14,405	15,996	18,266	20,190
Chi phí BH&QL	(6,254)	(6,880)	(7,664)	(8,443)	(9,109)
Thu nhập khác	0	0	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,721	7,525	8,332	9,824	11,081
Lãi vay thuần	1,315	1,423	550	665	738
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	58.7	65.1	71.6	78.7	86.6
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	4.09	(8.28)	0	0	0
LNTT	8,099	9,004	8,954	10,567	11,906
Chi phí thuế TNDN	(905)	(1,084)	(1,121)	(1,324)	(1,491)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(109)	(117)	(116)	(137)	(154)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,085	7,803	7,716	9,107	10,260
Lợi nhuận thuần ĐC	7,085	7,803	7,716	9,107	10,260
EBITDA ĐC	7,239	8,089	9,035	10,587	11,910
EPS (đồng)	9,888	10,769	7,339	8,661	9,758
EPS ĐC (đồng)	9,888	10,769	7,339	8,661	9,758
DPS (đồng)	10,000	26,800	7,000	8,000	9,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	717	725	1,051	1,051	1,051
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	717	725	1,051	1,051	1,051
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	717	725	1,051	1,051	1,051

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	5,790	5,677	3,636	2,169	1,154
Đầu tư ngắn hạn	4,908	365	3,000	5,000	7,500
Phải thu khách hàng	10,989	1,705	2,767	3,438	3,607
Hàng tồn kho	2,178	2,582	2,889	3,215	3,535
Các tài sản ngắn hạn khác	56.1	64.3	72.0	80.1	88.1
Tổng tài sản ngắn hạn	23,922	10,394	12,365	13,902	15,885
TSCĐ hữu hình	4,789	4,535	4,952	5,411	5,915
TSCĐ vô hình	763	714	628	541	452
Bất động sản đầu tư	5.75	4.17	4.17	4.17	4.17
Đầu tư dài hạn	275	332	332	332	332
Đầu tư vào Cty LD,LK	295	347	347	347	347
Tài sản dài hạn khác	10,503	11,574	11,521	11,467	11,414
Tổng tài sản dài hạn	16,631	17,506	17,784	18,102	18,464
Tổng cộng tài sản	40,553	27,900	30,149	32,004	34,349
Nợ ngắn hạn	8,469	9,067	6,915	7,308	8,037
Phải trả người bán	2,024	2,315	2,607	2,835	3,103
Nợ ngắn hạn khác	2,577	2,511	2,806	3,119	3,427
Tổng nợ ngắn hạn	13,729	14,600	13,121	14,144	15,537
Nợ dài hạn	227	1,764	1,764	1,764	1,764
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	160	150	150	150	150
Nợ dài hạn khác	49.7	45.9	34.4	34.4	34.4
Tổng nợ dài hạn	437	1,960	1,949	1,949	1,949
Tổng nợ phải trả	14,177	16,572	15,081	16,104	17,497
Vốn chủ sở hữu	25,780	10,700	14,324	15,020	15,817
Lợi ích cổ đông thiểu số	596	628	744	880	1,035
Tổng vốn chủ sở hữu	26,376	11,328	15,068	15,900	16,852
Tổng nợ phải trả và VCSH	40,553	27,900	30,149	32,004	34,349
BVPS (đ)	35,978	14,766	13,624	14,285	15,043
Nợ thuần/(tiền mặt)	2,906	5,154	5,043	6,904	8,647

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	6,721	7,525	8,332	9,824	11,081
Khấu hao	(518)	(565)	(704)	(763)	(829)
Lãi vay thuần	1,315	1,423	550	665	738
Thuế TNDN đã nộp	(731)	(1,108)	(1,121)	(1,324)	(1,491)
Thay đổi vốn lưu động	(2.21)	2,381	(143)	(233)	(186)
Khác	(1,565)	(1,558)	(2,191)	482	485
LCT thuần từ HĐKD	6,256	9,227	6,131	10,177	11,456
Đầu tư TS dài hạn	(573)	(514)	(1,035)	(1,135)	(1,244)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	3.89	8.12	8.12	8.12	8.12
Khác	(6,519)	11,980	(901)	(2,500)	(2,500)
LCT thuần từ HĐĐT	(7,088)	11,474	(1,928)	(3,627)	(3,736)
Cổ tức trả cho CSH	(262)	(23,070)	(7,360)	(8,412)	(9,463)
Thu từ phát hành CP	0	119	3,268	0	0
Tăng/giảm nợ	1,295	2,135	(2,152)	394	729
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,034	(20,816)	(6,244)	(8,018)	(8,734)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,588	5,790	5,677	3,636	2,169
LCT thuần trong kỳ	202	(115)	(2,041)	(1,467)	(1,015)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.06	2.63	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,790	5,677	3,636	2,169	1,154
Dòng tiền tự do	5,682	8,713	5,095	9,042	10,211

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	45.9	46.6	46.3	47.5	47.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	25.6	26.2	26.1	27.5	28.2
Tỷ suất LNT (%)	25.1	25.3	22.3	23.7	24.3
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.2	12.0	12.5	12.5	12.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	4.68	9.41	11.9	11.3	9.97
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	16.2	11.7	11.7	17.2	12.5
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	30.0	10.1	(1.11)	18.0	12.7
Tăng trưởng EPS (%)	30.0	8.91	(31.9)	18.0	12.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	30.0	8.91	(31.9)	18.0	12.7
Tăng trưởng DPS (%)	nm	168	(73.9)	14.3	12.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	101	249	95.4	92.4	92.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	29.7	42.8	61.7	62.1	66.5
ROACE (%)	26.7	37.5	54.9	56.3	60.4
Vòng quay tài sản (lần)	0.76	0.90	1.19	1.24	1.28
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.93	1.23	0.74	1.04	1.03
Số ngày tồn kho	52.1	57.1	56.8	58.1	58.4
Số ngày phải thu	263	37.7	54.4	62.1	59.6
Số ngày phải trả	48.4	51.2	51.2	51.2	51.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	11.5	49.0	35.9	46.7	55.4
Nợ/tài sản (%)	21.6	39.1	29.1	28.7	28.9
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.21	1.35	0.97	0.87	0.83
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.74	0.71	0.94	0.98	1.02
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.35	3.17	4.04	3.68	3.39
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.1	12.1	15.5	13.4	12.0
P/E (lần)	12.9	11.9	17.4	14.8	13.1
P/E ĐC (lần)	12.9	11.9	17.4	14.8	13.1
P/B (lần)	3.56	8.67	9.40	8.96	8.51
Lợi suất cổ tức (%)	7.81	20.9	5.47	6.25	7.03

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn